

# **HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ THÔNG THƯỜNG**

**Tên gói thầu: An ninh Tòa nhà năm 2024**

**Tên Tòa nhà: Tòa nhà Văn phòng HUDTOWER**



# HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ THÔNG THƯỜNG

Tên gói thầu: An ninh Toà nhà năm 2024

Tên Toà nhà: Toà nhà Văn phòng HUDTOWER

Phát hành ngày: 12/04/2024

Ban hành kèm theo Đề xuất: 300/AX-HTW

Tổng công ty Đầu tư  
phát triển nhà và đô thị  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**Phạm Văn Ân**

Ban QLDA XDCT  
HUDTOWER

Đơn vị lập Hồ sơ yêu cầu  
(CBRE)

**Trương Hoàng Giang**

# MỤC LỤC

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP**

Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

0614  
ÔNG  
NG T  
PHÁT  
IA V  
Ô TH  
KUAN

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Luật đấu thầu             | Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội   |
| Nghị định 24/2024/NĐ-CP   | Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.   |
| Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT | Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia  |
| Quyết định số 116/QĐ-HĐTV | Quyết định số 116/QĐ-HĐTV ngày 21/3/2023 về việc ban hành Quy định xét chọn đơn vị cung cấp để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị |
| CDNT                      | Chỉ dẫn nhà thầu  |
| BDL                       | Bảng dữ liệu đấu thầu   |
| HSYC                      | Hồ sơ yêu cầu   |
| HSDX                      | Hồ sơ dự thầu   |
| ĐKC                       | Điều kiện chung của hợp đồng  |
| ĐKCT                      | Điều kiện cụ thể của hợp đồng   |
| VND                       | đồng Việt Nam   |



## MÔ TẢ TÓM TẮT

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

#### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDX. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDX, mở thầu, đánh giá HSDX và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDX, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của HSDX) ;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm);
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX (nếu có)) do Bên mời thầu chuẩn bị.

#### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSYC và HSDX..

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

#### Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn do Bên mời thầu yêu cầu

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

#### Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

#### Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

**Phần thứ nhất. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

|   |   |
|---|---|
| <p><b>1. Phạm vi gói thầu</b></p>                 | <p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>BDL</b>.</p>   |
| <p><b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu</b></p> | <p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDX</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng là thời gian và ngày tháng được tính theo (GMT+7).</p> <p>2.4. Gói thầu là gói mua sắm theo Quyết định 116/QĐ-HĐTV ban hành ngày 21/3/2023.</p> <p>2.5. Nhà thầu là đơn vị cung cấp theo Quyết định 116/QĐ-HĐTV ban hành ngày 21/3/2023.</p>  |
| <p><b>3. Nguồn vốn</b></p>                        | <p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>   |
| <p><b>4. Hành vi bị cấm</b></p>                   | <p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDX hoặc rút HSDX để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSYC nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSDX hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> |



d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSYC đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDX đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định HSYC; đánh giá HSDX; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSYC, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện trong HSYC nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 và khoản 2 Điều 48 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung HSYC trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDX; nội dung yêu cầu làm rõ HSDX của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDX; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi

0614  
TỔNG  
ÔNG T  
Ứ PHÁT  
HÀ V  
ĐỒ TH  
XUÂN

|  |   |
|--|---|
|  | <p>chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDX trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDX mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p> |
| <p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p> | <p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 5.1 CDNT.</p>   |
| <p><b>6. Nội dung của HSYC</b></p>           | <p>6.1. HSYC bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p>  |





|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
|                                       | <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC hay các tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSYC do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSYC và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSYC, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSĐX theo yêu cầu của HSYC cho phù hợp.</p>  |
| <p><b>7. Sửa đổi, làm rõ HSYC</b></p> | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSYC thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSYC đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSĐX; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu qua email theo Mục 19.1 CDNT trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin qua email Mục 19.1 CDNT để kịp thời làm rõ HSYC theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên email mà nhà thầu đã gửi thông tin tới email của Chủ đầu tư để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSYC, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSĐX.</p> |



|   |   |
|---|---|
|   | <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSYC mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSYC đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp HSYC cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSYC.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDX của nhà thầu.</p> |
| <b>8. Chi phí dự thầu</b>               | <p>HSYC được phát hành miễn phí trên trang <a href="https://hud.com.vn/">https://hud.com.vn/</a>. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSDX theo quy định tại <b>BDL</b>. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>  |
| <b>9. Ngôn ngữ của HSDX</b>             | <p>HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>   |
| <b>10. Thành phần của HSDX</b>          | <p>HSDX phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có);</p> <p>10.7. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 CDNT;</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>   |
| <b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b> | <p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDX.</p>   |
| <b>12. Đề xuất phương án kỹ</b>         | <p>12.1. Trường hợp HSYC quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay</p>  |

|   |  |
|---|--|
| <p><b>thuật thay thế trong HSDX</b></p>                     | <p>thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>  |
| <p><b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>                   | <p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11B) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSYC bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSYC và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11B) Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> |
| <p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p> | <p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>   |
| <p><b>15. Tài liệu chứng minh sự</b></p>                    | <p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX</p>  |

|  |  |
|--|--|
| <p><b>đáp ứng về kỹ thuật</b></p>  | <p>để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>  |
| <p><b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p> | <p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III.</p> <p>- Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được công nhận quy định tại <b>BDL</b></p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDX và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>  |
| <p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDX</b></p>                            | <p>17.1. HSDX có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDX sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDX không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p>   |
| <p><b>18. Bảo đảm dự thầu, Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX</b></p>      | <p><b>Bảo đảm dự thầu</b></p> <p>18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 20 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu gửi thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp HSDX phát hành. Trường hợp HSDX được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu</p> |

2010  
 T.C  
 ĐƠN  
 TỰ P  
 NHÀ  
 ĐỒ  
 XUA

cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử), ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa

014  
Đ  
G T  
HÁT  
V V  
TH  
N-T

bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX, nhà thầu có văn bản rút HSDX hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản). Trong trường hợp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm

|  |  |
|--|--|
|  | <p>bảo lãnh bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>  |
|  | <p><b>Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX</b></p> <p>18.8. Nhà thầu phải chuẩn bị <b>01 bản gốc và 02 bản chụp</b> theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và số lượng bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC HSDX SỬA ĐỔI</b>”, “<b>BẢN CHỤP HSDX SỬA ĐỔI</b>”, “<b>BẢN GỐC HSDX THAY THẾ</b>”, “<b>BẢN CHỤP HSDX THAY THẾ</b>”.</p> <p>18.9. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.</p> <p>18.10 Bản gốc của HSDX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX.</p> <p>các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX.</p> <p>18.11. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>18.12. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p> |



|  |   |
|--|---|
| <p><b>19. Thời điểm đóng thầu</b></p>  | <p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>TBMCG</b>. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Địa chỉ Bên mời thầu và thời điểm đóng thầu được quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu tiếp nhận HSDX của tất cả các nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC trước khi HSDX được tiếp nhận.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>   |
| <p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDX, niêm phong và ghi bên ngoài HSDX, Nộp muộ n HSDX</b></p> | <p>20.1. <b>Nộp HSDX: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDX (gốc) và hai bản sao HSDX</b> đối với một TBMCG khi đấu thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDX sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại HSDX: Trường hợp cần sửa đổi HSDX đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDX đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDX, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDX mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSYC (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDX mới phù hợp với HSYC đã được sửa đổi.</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 41 và Mục 42 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDX” hoặc “THAY THẾ HSDX” hoặc “RÚT HSDX”;</p> <p>20.3. Rút HSDX: nhà thầu được rút HSDX trước thời điểm đóng thầu bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo mẫu trong HSDX.<br/>HSDX mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 20.3 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDX trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDX nộp thành công đều được mở thầu để đánh giá.</p> <p><b>Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX</b></p> <p>20.5. Túi đựng HSDX bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDX thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDX, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT</p> |





|                           |   |
|---------------------------|---|
|                           | <p>SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”. Các túi đựng: HSDX; HSDX sửa đổi, HSDX thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>20.6. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</li> <li>b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại Mục 21.1 CDNT;</li> <li>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNT;</li> <li>d) Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm mở thầu”.</li> </ol> <p>20.7. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p> <p><b>20.8 Nộp muộn HSDX:</b></p> <p>Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> |
| <p><b>21. Mở thầu</b></p> | <p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trong thời hạn không quá <b>02 giờ</b>, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDX, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu .</p> <p>Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 21.1 CDNT của tất cả HSDX đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại <b>BDL</b> trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Thông tin về gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số TBMCG;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> </li> <li>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</li> </ol>                                       |

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu tại lễ mở thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

21.3 Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDX thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDX”, túi đựng HSDX của nhà thầu có đề nghị rút HSDX sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDX và vẫn mở HSDX tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDX” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

ược công khai trong lễ mở thầu.

ông khai trong lễ mở thầu.

Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDX” và HSDX thay thế này sẽ được thay cho HSDX bị thay thế. HSDX bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDX nếu văn bản thông báo thay thế HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDX” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDX sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDX nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDX được mở và đọc tại buổi mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

thông báo “SỬA ĐỔI HSDX” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDX sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDX nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ

1961  
 RỒN  
 ỒNG  
 Ứ PH  
 NHÀ  
 ĐỒ  
 H XU

|                               |   |
|-------------------------------|---|
|                               | <p>có các HSDX được mở và đọc tại buổi mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>21.4 Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>b) Mở bản gốc HSDX, HSDX sửa đổi (nếu có) hoặc HSDX thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT.</p> |
| <p><b>22. Bảo mật</b></p>     | <p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDX và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDX của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDX (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>  |
| <p><b>23. Làm rõ HSDX</b></p> | <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDX giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà</p>  |

14 -  
G  
TY  
AT TP  
VÀ  
THI  
AN - T

|  |   |
|--|---|
|  | <p>nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDX của nhà thầu theo HSDX nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDX.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDX sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDX hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDX không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDX.</p> |
| <p><b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p> | <p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDX:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSYC;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSYC;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSYC.</p>   |
| <p><b>25. Xác định tính đáp ứng của HSDX</b></p>                 | <p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDX dựa trên nội dung của HSDX theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDX đáp ứng cơ bản là HSDX đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSYC mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDX mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSYC đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDX theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được</p>  |



|  |   |
|--|---|
|  | <p>đáp ứng và HSDX không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDX không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSYC thì HSDX đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX nhằm làm cho HSDX đó đáp ứng cơ bản HSYC.</p>   |
| <p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng;<br/>Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch</b></p> | <p><b>Sai sót không nghiêm trọng</b></p> <p>26.1. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDX liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDX của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDX.</p> <p><b>Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch</b></p> <p>26.4 Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>b) Các lỗi khác:</p> <p>- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số</p> |

|                                |   |
|--------------------------------|---|
|                                | <p>lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;</li> <li>- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.</li> </ul> <p>26.5 Hiệu chỉnh các sai lệch</p> <p>a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi công việc thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;</p>   |
| <p><b>27. Nhà thầu phụ</b></p> | <p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> |
| <p><b>28. Ưu đãi trong</b></p> | <p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi:</p>   |



|                                 |   |
|---------------------------------|---|
| <p><b>lựa chọn nhà thầu</b></p> | <p>Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi:<br/>Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDX.</p>   |
| <p><b>29. Đánh giá HSDX</b></p> | <p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDX.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDX của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDX tại Mục 29.1 CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá HSDX dưới đây cho phù hợp để đánh giá HSDX.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá các nội dung: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong HSDX. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá các nội dung: Lịch sử hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong HSDX. Đối với các nội dung đánh giá, nhà thầu phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp HSDX;</li> <li>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm để đánh giá;</li> <li>- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</li> </ul> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách</p> |

xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của HSYC thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, HSĐX đều không có bất kỳ ưu đãi nào):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá HSĐX của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp HSĐX của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29. 5. Nguyên tắc đánh giá HSĐX:

a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hàng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của HSYC thì sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSĐX không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSĐX của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai và thông tin trong bản gốc bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSĐX. Trường

14  
G  
TV  
TTR  
VÀ  
HI  
-TP



|                                      |   |
|--------------------------------------|---|
|                                      | <p>hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC hoặc nhà thầu không kê khai hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu) để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại;</p> <p>d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định;</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và hồ sơ đi kèm thì thông tin kê khai là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong HSDX. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm, giá trị tài sản ròng đã được đánh giá là "đạt" theo thông tin kê khai, trong HSDX mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Trong trường hợp này, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> |
| <p><b>30. Đối chiếu tài liệu</b></p> | <p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu (nếu Chủ đầu tư yêu cầu). Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDX, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu quy định tại Mục 18.7 CDNT;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu.</p> <p>c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDX (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng</p>   |



|  |   |
|--|---|
|  | <p>cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong HSDX;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp không phù hợp với số liệu trong HSDX dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 CDNT.</p>   |
| <b>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b>      | <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>   |
| <b>32. Hủy thầu</b>                            | <p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDX không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSYC;</p> <p>c) HSYC không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 CDNT.</p> |
| <b>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b> | <p>33.1 Chủ đầu tư thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo báo cáo đánh giá HSDX trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự theo đường</p>  |



|  |   |
|--|---|
|  | <p>buu điện, fax</p> <p>Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số TBMCG;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> |
| <p><b>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</b></p>                | <p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định <b>tại BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDX và HSYC. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định <b>tại BDL</b> và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p>  |
| <p><b>35. Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng</b></p> | <p>Sau khi Chủ đầu tư thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 12 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDX và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong</p>   |



|  |  |
|--|--|
|  | <p>thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu .</p>   |
| <p><b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>            | <p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo .</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p> |
| <p><b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>           | <p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5 ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>   |
| <p><b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>  | <p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp bằng văn bản. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>.</p>   |
| <p><b>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p> | <p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>   |

0106  
 TQM  
 ONG  
 U PHA  
 HA  
 DO T  
 XUAN

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| <b>40. Hoàn thiện ký kết hợp đồng</b> | Nội dung cơ bản của hợp đồng theo mẫu được chủ đầu tư nêu trong HSYC |
|---------------------------------------|--|

144  
IG  
TV  
.TTI  
VÀ  
HI  
.TP.

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

|                     |  |
|---------------------|--|
| <b>CDNT 1.1</b>     | Tên Chủ đầu tư: Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị.  |
| <b>CDNT 1.2</b>     | Tên gói thầu: An ninh tòa nhà năm 2024.<br>Tên tòa nhà: Tòa nhà Văn phòng HUDTOWER.  |
| <b>CDNT 3</b>       | Nguồn vốn: <i>Nguồn thu từ phí dịch vụ quản lý vận hành của tòa nhà và bổ sung từ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty (nếu cần)</i>   |
| <b>CDNT 5.1 (c)</b> | <p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD). Địa chỉ tầng 28, 29, 30, 31, 32 Toà nhà Văn phòng HUDTOWER, Số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của Tổng công ty HUD.</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p><i>Trường hợp nội dung về bảo đảm cạnh tranh tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này thì Chủ đầu tư quy định tại BDL căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</i></p> |
| <b>CDNT 7.5</b>     | Hội nghị tiền đấu thầu: <u>Không</u>   |
| <b>CDNT 8</b>       | Chi phí nộp HSDX: Được phát hành miễn phí trên trang <a href="https://hud.com.vn/">https://hud.com.vn/</a>   |
| <b>CDNT 10.8</b>    | Nhà thầu phải nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây:<br>- Bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.  |

|                     |  |
|---------------------|--|
|                     | - Giấy xác nhận đủ điều kiện an ninh trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ do cơ quan quản lý nhà nước cấp.   |
| <b>CDNT 12.1</b>    | Nhà thầu “Được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.  |
| <b>CDNT 17.1</b>    | Thời hạn hiệu lực của HSDX là: 40 ngày, kể từ ngày đóng thầu.  |
| <b>CDNT 18.2</b>    | Nội dung bảo đảm dự thầu:<br>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 50.000.000 đồng<br>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 70 ngày  |
| <b>CDNT 18.4</b>    | Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt  |
| <b>CDNT 18.8</b>    | <b>Số lượng 01 bản gốc HSDX + 02 bản chụp HSDX</b>   |
| <b>CDNT 19.1</b>    | Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDX):<br>Văn phòng Ban QLTN – Tầng 24 – Tòa nhà Văn phòng HUDTOWER, Số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.<br>Điện thoại: 0937 038 037<br>Fax: (024).37738640<br>E-mail : <a href="mailto:phamnguyetcam@hud.com.vn">phamnguyetcam@hud.com.vn</a> ; <a href="mailto:ninhbichnhiem@gmail.com">ninhbichnhiem@gmail.com</a><br><b>Thời điểm đóng thầu:</b><br><b>Theo thông báo mời chào giá số: 978/HUD-HTW ngày 12/04/2024</b> |
| <b>CDNT 21</b>      | <b>Thời điểm mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc:</b><br><b>Theo thông báo mời chào giá số: 978/HUD-HTW ngày 12/04/2024</b><br>Tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Văn phòng Ban QLTN – Tầng 24 – Tòa nhà Văn phòng HUDTOWER, Số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.  |
| <b>CDNT 23.3</b>    | Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDX đến Bên mời thầu trong vòng: 03 ngày, kể từ ngày đóng thầu.   |
| <b>CDNT 27.2</b>    | Nhà thầu phụ đặc biệt: Không được sử dụng  |
| <b>E-CNDT 28.1</b>  | Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): _____ [ <i>Chủ đầu tư ghi nội dung ưu đãi theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i> ]   |
| <b>CDNT 29.1</b>    | Phương pháp đánh giá HSDX là:<br>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.<br>- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt _____<br>- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất  |
| <b>CDNT29.3 (đ)</b> | Xếp hạng nhà thầu: [ <i>chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 BDL như sau:</i><br>- <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất: “Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;</i>   |
| <b>CDNT 31.4</b>    | [ <i>chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 BDL như sau:</i><br>- <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất : “Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;</i>  |

|                  |  |
|------------------|--|
| <b>CDNT 34.1</b> | Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%<br>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%   |
| <b>CDNT 34.2</b> | - Tùy chọn mua thêm: <u>Không áp dụng</u> [ <i>ghi "có áp dụng" hoặc "không áp dụng" theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.</i> ]   |
| <b>CDNT 38.2</b> | - Địa chỉ của Chủ đầu tư: Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, tầng 28, 29, 30, 31, 32 Toà nhà Văn phòng HUDTOWER, Số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 0937 038 037<br>Fax: (024).37738640.<br>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, tầng 28, 29, 30, 31, 32, Toà nhà Văn phòng HUDTOWER;<br>- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Theo quy định của Sở KHĐT Hà Nội |
| <b>CDNT 39</b>   | Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD), tầng 28, 29, 30, 31, 32 Toà nhà Văn phòng HUDTOWER, Số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 0937 038 037<br>Fax: (024).37738640;   |





### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

#### Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

##### 1.1. Kiểm tra HSDX:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDX, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDX theo quy định tại Mục 12 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

##### 1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX:

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin thì căn cứ vào thông tin trong thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

### 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Không yêu cầu

### 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

#### Mục 2.2a. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự

Không yêu cầu

#### Mục 2.2b. Tiêu chuẩn đánh giá về thiết bị chủ yếu

Không yêu cầu

**Mục 2.2 c** Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu để thực hiện công việc.

## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt: Đạt/Không đạt

| TT  | Nội dung yêu cầu   | Mức yêu cầu tối thiểu   | Đánh giá  |
|-----|--|---|-----------|
| 1   | Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật   | - Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp để làm ngành nghề kinh doanh dịch vụ bảo vệ (đính kèm file scan bản gốc hoặc bản sao y chứng thực)<br>- Người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ phải có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên (theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016). Có hồ sơ chứng minh kèm theo. | Đạt       |
|     |  | Không có hoặc không đính kèm file scan bản gốc hoặc bản sao y chứng thực.   | Không đạt |
| 2   | Hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc của gói thầu                                       | Có trình bày hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc của gói thầu đầy đủ phù hợp với gói thầu.  | Đạt       |
|     |  | Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ chi tiết hoặc không phù hợp.   | Không đạt |
| 3   | Phương án bảo vệ Tòa nhà Văn phòng HUDTOWER phải đáp ứng các yêu cầu tại nhiệm vụ được quy định tại Chương V | Các tiêu chí 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8 và 3.9 được đánh giá đạt  | Đạt       |
|     |  | Không thuộc trường hợp trên   | Không đạt |
| 3.1 | Bố trí nhân viên bảo vệ tại các chốt của tòa nhà   | Đề xuất phương án bố trí nhân viên bảo vệ tại các vị trí được mô tả trong phạm vi cung cấp. Nêu cụ thể số lượng nhân viên bảo vệ được bố trí  | Đạt       |

| TT  | Nội dung yêu cầu   | Mức yêu cầu tối thiểu   | Đánh giá         |
|-----|--|---|------------------|
|     |  | <i>Không có đề xuất hoặc có nhưng không đầy đủ tại các chốt hoặc thời gian không đủ 24/7 hoặc không nêu cụ thể số lượng nhân viên bảo vệ được bố trí</i>  | <i>Không đạt</i> |
| 3.2 | <i>Bố trí việc tuần tra giám sát tòa nhà</i>   | <i>Đề xuất phương án bố trí nhân viên bảo vệ tuần tra toàn bộ tòa nhà 24/7. Nêu cụ thể số lượng nhân viên bảo vệ tuần tra, công tác phối hợp giữa các nhân viên bảo vệ tại các vị trí</i>           | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có đề xuất hoặc có nhưng thời gian tuần tra không đủ 24/7 hoặc không nêu cụ thể số lượng nhân viên bảo vệ tuần tra, không nêu được công tác phối hợp giữa các nhân viên tại các vị trí</i> | <i>Không đạt</i> |
| 3.3 | <i>Bảo vệ con người, tài sản, công trình của chủ đầu tư</i>  | <i>Đề xuất phương án đảm bảo an toàn về con người, tài sản đầy đủ, chi tiết</i><br>- Trong giờ hành chính<br>- Ngoài giờ hành chính   | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có đề xuất hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Không đạt</i> |
| 3.4 | <i>Đảm bảo an ninh trong toàn tòa nhà</i>  | <i>Xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong toàn tòa nhà đầy đủ, chi tiết</i>   | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Không đạt</i> |
| 3.5 | <i>Quản lý trật tự, thi công và công nhân nhà thầu</i>   | <i>Đề xuất phương án phối hợp với Chủ đầu tư trong công tác quản lý trật tự, thi công và công nhân nhà thầu đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Không đạt</i> |
| 3.6 | <i>Kiểm soát người và phương tiện ra vào tòa nhà</i>   | <i>Đề xuất phương án kiểm soát người và phương tiện ra vào tòa nhà đầy đủ, chi tiết</i>   | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Không đạt</i> |
| 3.7 | <i>Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ</i>  | <i>Đề xuất phương án đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, chi tiết</i>  | <i>Không đạt</i> |
| 3.8 | <i>Phối hợp với công an địa phương, khu vực về việc đảm bảo an ninh, trật tự tại tòa nhà</i>                           | <i>Đề xuất phương án, cam kết thực hiện</i>   | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có xây dựng phương án, không cam kết thực hiện</i>   | <i>Không đạt</i> |
| 3.9 | <i>Cam kết bảo mật toàn bộ thông tin Tòa nhà, thông tin hoạt động, bí mật kinh doanh, hình ảnh, video, ... bao gồm</i> | <i>Đề xuất phương án bảo mật thông tin và cam kết thực hiện</i>   | <i>Đạt</i>       |
|     |  | <i>Không có xây dựng phương án, không cam kết thực hiện</i>   | <i>Không đạt</i> |

| TT | Nội dung yêu cầu  | Mức yêu cầu tối thiểu   | Đánh giá  |
|----|---|---|-----------|
|    | <i>nhưng không giới hạn bởi thông tin Khách thuê, khách hàng, chủ đầu tư và các khách đến giao dịch tại Tòa nhà</i> |   |           |
| 4  | Bồi thường khi xảy ra các sự cố về mất mát, thiệt hại, hư hỏng tài sản, thiết bị của dự án                          | Có cam kết và đề xuất phương án bồi thường khi xảy ra mất mát, thiệt hại, hư hỏng tài sản, thiết bị   | Đạt       |
|    |   | Không có cam kết hoặc không đề xuất phương án bồi thường khi xảy ra mất mát, thiệt hại, hư hỏng tài sản, thiết bị của dự án   | Không đạt |
| 5  | Uy tín của nhà thầu   | Nhà thầu không bị kết luận: Không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; hoặc không có hợp đồng bỏ dở; hoặc không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải có cam kết đính kèm. Trường hợp liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.<br>Nhà thầu có tài liệu chứng minh đã có kinh nghiệm các dự án tương tự.   | Đạt       |
|    |   | Không đáp ứng các yêu cầu trên, hoặc không có cam kết đính kèm.   | Không đạt |
| 6  | Yêu cầu đối với nhân viên bảo vệ  | Nhà thầu phải đề xuất cụ thể các nhân viên bảo vệ tối thiểu 23 người bao gồm: 1 chỉ huy và 22 nhân viên an ninh, tất cả các nhân sự phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:<br>+ Năm trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật.<br>+ Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê nhận sự hợp lệ hoặc tài liệu tương đương<br>+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không có tiền án về các tội giết người, cố ý gây thương tích, các tội xâm phạm sở hữu<br>+ Có lý lịch rõ ràng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận<br>+ Có giấy khám sức khỏe của trung tâm y tế, bệnh viện từ cấp huyện trở lên xác nhận có đủ sức khỏe để lao động có thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm thương thảo hợp đồng<br>+ Có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên<br>+ Chỉ huy trưởng có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương đương làm tại tòa nhà văn phòng hoặc phức hợp >=2 năm<br>+ Nhân viên có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương | Đạt       |

| TT              | Nội dung yêu cầu                               | Mức yêu cầu tối thiểu   | Đánh giá  |
|-----------------|--|---|-----------|
|                 |  | đương: $\geq 6$ tháng<br>+ Có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy còn hiệu lực<br>Tiêu chuẩn ngoại hình:<br>+ Là công dân Việt Nam, Nam từ 20 -50 tuổi, Nữ 20 – 45 tuổi. Tỷ lệ nhân viên thuộc nhóm dưới 40 tuổi chiếm 65%.<br>+ Nữ cao không dưới 1,60 m, cân nặng không dưới 45 kg.<br>+ Nam cao không dưới 1.65 m, cân nặng không dưới 60 kg<br>+ Nhân viên sảnh lễ tân tầng 1, sảnh thang máy tầng 1, khu vực cổng Nguyễn Trãi<br>- Nam cao $\geq 1.70m$ , cân nặng $\geq 60kg$ , từ 20 -35 tuổi<br>- Nữ cao $\geq 1.60m$ , cân nặng $\geq 45kg$ , từ 20-35 tuổi<br>- Hình thức ưa nhìn |           |
|                 |  | Nhà thầu không có hoặc có nhưng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu như trên   | Không đạt |
| <b>Kết luận</b> | <b>Các tiêu chí chi tiết được đánh giá đạt</b> |   | Đạt       |
|                 | <b>Không thuộc trường hợp trên</b>             |   | Không đạt |

#### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 CDNT, HSDX sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

## Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

| STT | Biểu mẫu  | Cách thức thực hiện | Trách nhiệm thực hiện |          | Ghi chú   |
|-----|---|---------------------|-----------------------|----------|---|
|     |   |                     | Chủ đầu tư            | Nhà thầu |   |
| 1   | Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)   | CÁCH THỨC THỰC HIỆN | X                     |          |   |
| 2   | Mẫu số 02(a). Đơn dự thầu   |                     |                       | X        | Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá                                    |
| 3   | Mẫu số 02(b). Đơn dự thầu   |                     |                       | X        | Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá đơn dự thầu   |
| 4   | Mẫu số 02 (c). Giấy ủy quyền  |                     |                       | X        | Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu                |
| 5   | Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh   |                     |                       | X        | Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu  |
| 6   | Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i> )   |                     |                       | X        | Áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng   |
| 7   | Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i> ) |                     |                       | X        | Áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng |
| 8   | Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện                                  |                     |                       | X        | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu  |
| 9   | Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt   |                     |                       | X        | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu  |
| 10  | Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt                            |                     |                       | X        | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu  |
| 11  | Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm  |                     |                       | X        | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu  |

|    |  |  |  |   |   |
|----|--|--|--|---|---|
|    | chuyên môn   |  |  |   |   |
| 12 | Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu  |  |  | X | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu    |
| 13 | Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu     |  |  | X |   |
| 14 | Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu  |  |  | X | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu    |
| 15 | Mẫu số 08 (a): Doanh thu bình quân   |  |  | x | Chỉ áp dụng trong trường hợp HSYC có yêu cầu    |
| 17 | Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ                                       |  |  | X |   |
| 18 | Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu   |  |  | X |   |
| 19 | Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện  |  |  | X |   |
| 20 | Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)  |  |  | X |   |
| 21 | Mẫu số 11B. Bảng giá dự thầu (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)                |  |  | X |   |
| 22 | Mẫu số 11G. Bản kê khai thông tin về nhà thầu  |  |  | X |   |
| 23 | Mẫu số 11H. Bản kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh                   |  |  | X | Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh |
| 24 | Mẫu 16. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ |  |  | X |   |

001  
T  
C  
U TU  
N  
E  
1/1/

**PHẠM VI CUNG CẤP**

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

| STT                  | Danh mục dịch vụ        | Mô tả dịch vụ            |                        |                       |                  |                        |   |   | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ                 | Ngày hoàn thành dịch vụ     | Ghi chú  |
|----------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|---|---|---------------------|-------------|--|-----------------------------|--|
|                      |                         | Loại (số giờ làm/1 ngày) | Số ngày làm việc/tháng | Số giờ làm việc/tháng | Vị trí (dự kiến) | Số tháng mỗi giai đoạn |   |   |                     |             |  |                             |  |
| Số tháng giai đoạn 1 | Số tháng giai đoạn 2    |                          |                        |                       |                  | Số tháng giai đoạn 3   |   |   |                     |             |  |                             |  |
| (1)                  | (2)                     | (3)                      |                        |                       |                  |                        |   |   | (4)                 | (5)         | (6)  | (7)                         | (8)  |
| <b>I</b>             | <b>Các hạng mục</b>     |                          |                        |                       |                  |                        |   |   |                     |             |  |                             |  |
| 1                    | Chi huy trưởng          | 12/24                    | 26                     | 312                   | 1                | 3                      | 6 | 3 | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư | - Giai đoạn 1 gồm các tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2024 |
| 2                    | Ca trưởng kiêm tuần tra | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6 | 3 | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |  |
| 3                    | Sảnh lễ tân tầng 1      | 16/24                    | 30                     | 480                   | 1                | 3                      | 6 | 3 | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |  |





| STT | Danh mục dịch vụ             | Mô tả dịch vụ            |                        |                       |                  |                        |                      |                      | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ                 | Ngày hoàn thành dịch vụ     | Ghi chú  |
|-----|------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|-------------|--|-----------------------------|--|
|     |                              | Loại (số giờ làm/1 ngày) | Số ngày làm việc/tháng | Số giờ làm việc/tháng | Vị trí (dự kiến) | Số tháng mỗi giai đoạn |                      |                      |                     |             |  |                             |  |
|     |                              |                          |                        |                       |                  | Số tháng giai đoạn 1   | Số tháng giai đoạn 2 | Số tháng giai đoạn 3 |                     |             |  |                             |  |
| (1) | (2)                          | (3)                      |                        |                       |                  |                        |                      |                      | (4)                 | (5)         | (6)  | (7)                         | (8)  |
|     |                              |                          |                        |                       |                  |                        |                      |                      |                     |             |  | đầu tư                      |  |
| 4   | Sảnh thang máy tầng 1        | 12/24                    | 26                     | 312                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |  |
| 5   | Giám sát Camera - Phòng CCTV | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư | - Giai đoạn 2 gồm các tháng 7, tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12 của năm 2024 |
| 6   | Khu vực Cổng Nguyễn Tuân 1   | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |  |

| STT | Danh mục dịch vụ                               | Mô tả dịch vụ            |                        |                       |                  |                        |                      |                      | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ                 | Ngày hoàn thành dịch vụ     | Ghi chú   |
|-----|--|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|-------------|--|-----------------------------|---|
|     |  | Loại (số giờ làm/1 ngày) | Số ngày làm việc/tháng | Số giờ làm việc/tháng | Vị trí (dự kiến) | Số tháng mỗi giai đoạn |                      |                      |                     |             |  |                             |   |
|     |  |                          |                        |                       |                  | Số tháng giai đoạn 1   | Số tháng giai đoạn 2 | Số tháng giai đoạn 3 |                     |             |  |                             |   |
| (1) | (2)  | (3)                      |                        |                       |                  |                        |                      |                      | (4)                 | (5)         | (6)  | (7)                         | (8)   |
| 7   | Khu vực Công Nguyễn Tuân 2                     | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư | '- Giai đoạn 3 bao gồm các tháng 1, tháng 2, tháng 3 của năm 2025 |
| 8   | Kiểm soát xe vào hầm B1 post 1 (ô tô + xe máy) | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |   |
| 9   | Kiểm soát xe vào hầm B1 post 2 (ô tô)          | 16/24                    | 26                     | 416                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |   |
| 10  | Kiểm soát xe ra/vào Hầm B1 post 3 (xe          | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       | Tòa nhà HUDTOWER - 37 Lê Văn Lương -Hà Nội | Theo yêu cầu của Chủ        |   |

| STT | Danh mục dịch vụ                            | Mô tả dịch vụ            |                        |                       |                  |                        |                      |                      | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ     | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|-------------|----------------------------|-----------------------------|---------|
|     |   | Loại (số giờ làm/1 ngày) | Số ngày làm việc/tháng | Số giờ làm việc/tháng | Vị trí (dự kiến) | Số tháng mỗi giai đoạn |                      |                      |                     |             |                            |                             |         |
|     |   |                          |                        |                       |                  | Số tháng giai đoạn 1   | Số tháng giai đoạn 2 | Số tháng giai đoạn 3 |                     |             |                            |                             |         |
| (1) | (2)   | (3)                      |                        |                       |                  |                        |                      |                      | (4)                 | (5)         | (6)                        | (7)                         | (8)     |
|     | máy)  |                          |                        |                       |                  |                        |                      |                      |                     |             |                            | đầu tư                      |         |
| 11  | Sành thang máy hầm B1                       | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |         |
| 12  | Sắp xếp B1 và tuần tra B1                   | 12/24                    | 26                     | 312                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |         |
| 13  | Kiểm soát và vận hành thang hàng (thi công) | 16/24                    | 30                     | 480                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |         |

| STT | Danh mục dịch vụ                        | Mô tả dịch vụ            |                        |                       |                  |                        |                      |                      | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ     | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|-------------|----------------------------|-----------------------------|---------|
|     |   | Loại (số giờ làm/1 ngày) | Số ngày làm việc/tháng | Số giờ làm việc/tháng | Vị trí (dự kiến) | Số tháng mỗi giai đoạn |                      |                      |                     |             |                            |                             |         |
|     |   |                          |                        |                       |                  | Số tháng giai đoạn 1   | Số tháng giai đoạn 2 | Số tháng giai đoạn 3 |                     |             |                            |                             |         |
| (1) | (2)                                     | (3)                      |                        |                       |                  |                        |                      |                      | (4)                 | (5)         | (6)                        | (7)                         | (8)     |
| 14  | Kiểm soát công trường tháp B (thi công) | 24/24                    | 30                     | 720                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |         |
| 15  | Sắp xếp B2 và tuần tra B2               | 12/24                    | 30                     | 360                   | 1                | 0                      | 6                    | 3                    | 9                   | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |         |
| 16  | Sắp xếp B3 và tuần tra B3               | 12/24                    | 30                     | 360                   | 1                | 0                      | 0                    | 3                    | 3                   | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ đầu tư |         |
| 17  | Khu vực công Lê Văn Lương               | 12/24                    | 30                     | 360                   | 1                | 3                      | 6                    | 3                    | 12                  | tháng       |                            | Theo yêu cầu của Chủ        |         |



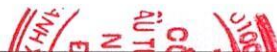
| STT                  | Danh mục dịch vụ   | Mô tả dịch vụ            |                        |                       |                  |                        |  |  | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Ghi chú |
|----------------------|--|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|--|--|---------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|                      |  | Loại (số giờ làm/1 ngày) | Số ngày làm việc/tháng | Số giờ làm việc/tháng | Vị trí (dự kiến) | Số tháng mỗi giai đoạn |  |  |                     |             |                            |                         |         |
| Số tháng giai đoạn 1 | Số tháng giai đoạn 2                                       |                          |                        |                       |                  | Số tháng giai đoạn 3   |  |  |                     |             |                            |                         |         |
| (1)                  | (2)  | (3)                      |                        |                       |                  |                        |  |  | (4)                 | (5)         | (6)                        | (7)                     | (8)     |
|                      |  |                          |                        |                       |                  |                        |  |  |                     |             | đầu tư                     |                         |         |
| <b>II</b>            | <b>Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh<sup>(8)</sup></b> |                          |                        |                       |                  |                        |  |  | (b1%)=0%            |             |                            |                         |         |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.



**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giám giá riêng)*

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Tên tòa nhà: *[ghi tên tòa nhà]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* <sup>(2)</sup> cùng với Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* <sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực;
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSYC;
10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(3)</sup>;
11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ



100  
TÔN  
ĐNG  
PH  
HÀ  
T  
QUAN

đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đầu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu <sup>(7)</sup>**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSDX.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 CDNT.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 (c) Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 (c) Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 4 CDNT.

**ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)*

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Tên tòa nhà: *[ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* <sup>(2)</sup> cùng với Bảng tổng hợp giá dự kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: \_\_\_\_ *[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* <sup>(3)</sup>

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* <sup>(4)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực;
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSYC;



10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(3)</sup>;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu <sup>(7)</sup>**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.


(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSDX.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 CDNT.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 (c) Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 (c) Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 4 CDNT. 

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.10 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_[ ngày tháng năm ]\_\_

Gói thầu: \_\_ [Ghi tên gói thầu ]

Thuộc tòa nhà: \_\_ [Ghi tên tòa nhà]

Căn cứ <sup>(1)</sup> \_\_ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội]

Căn cứ <sup>(1)</sup> \_\_ [Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 về lựa chọn nhà thầu]

Căn cứ HSYC Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] ngày tháng năm \_\_  
[ngày được ghi trên HSYC]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_ [ghi tên thành viên liên danh]

Mã số thuế: \_\_ [ghi số đăng ký doanh nghiệp];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_ [ ghi tên thành viên liên danh]

Mã số thuế: \_\_ [ghi số đăng ký doanh nghiệp];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_ [ghi tên thành viên liên danh]

Mã số thuế: \_\_ [ghi số đăng ký doanh nghiệp];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_  
[ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_ [ghi tên tòa nhà].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:



- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc tòa nhà \_\_\_\_ [ghi tên tòa nhà] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Ký đơn dự thầu, nộp HSDX cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSYC, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

| STT              | Tên                               | Nội dung công việc đảm nhận           | Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu |
|------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|--|
| 1                | Tên thành viên đứng đầu liên danh | - ____<br>- ____                      | - ____%<br>- ____%                               |
| 2                | Tên thành viên thứ 2              | - ____<br>- ____                      | - ____%<br>- ____%                               |
| ....             | ....                              | ....                                  | .....  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   | <b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b> | <b>100%</b>                                      |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc tòa nhà \_\_\_\_ [ghi tên tòa nhà án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Y  
TRIE  
A  
P.H

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc tòa nhà \_\_\_\_ [ghi tên tòa nhà] theo Thư mời thầu/TBMCG số \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMCG].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX, nhà thầu có văn bản rút HSDX hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSYC;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDX, tùy theo thời điểm nào đến trước.



Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSĐX là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT CG.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc tòa nhà \_\_\_ [ghi tên tòa nhà] theo Thư mời thầu/TBMCG số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMCG].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX, nhà thầu có văn bản rút HSDX hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo





thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDX là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMCG.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_  
 Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

|  |  |  |                      |
|--|--|--|----------------------|
| Tên và số hợp đồng   | [ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]                              |  |                      |
| Ngày ký hợp đồng   | [ghi ngày, tháng, năm]   |  |                      |
| Ngày hoàn thành  | [ghi ngày, tháng, năm]   |  |                      |
| Giá hợp đồng   | [ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]                | Tương đương ____ VND   |                      |
| Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm | [ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]                  | [ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký] | Tương đương ____ VND |
| Tên dự án:   | [ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]                    |  |                      |
| Tên Chủ đầu tư:  | [ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]            |  |                      |
| Địa chỉ:   | [ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]                           |  |                      |
| Điện thoại/fax:  | [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail] |  |                      |
| E-mail:  |  |  |                      |

**Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX<sup>(2)</sup>.**

|                                     |   |
|-------------------------------------|---|
| 1. Loại dịch vụ                     | [ghi thông tin phù hợp]   |
| 2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện | [ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng] |
| 2. Về quy mô thực hiện              | [ghi quy mô theo hợp đồng]  |
| 3. Các đặc tính khác                | [ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]   |

**Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).**

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

| STT | Họ và Tên  | Vị trí công việc   |
|-----|--|--|
| 1   | <i>[chọn nhân sự chủ chốt của nhà thầu, gồm thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSDX]</i> | <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
| 2   |  |  |
| ... |  |  |

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

| Thông tin nhân sự |                              |                            |        |                       |                               | Công việc hiện tại         |                                    |           |   |  |                        |
|-------------------|------------------------------|----------------------------|--------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------|---|--|------------------------|
| Stt               | Tên                          | Căn cước công dân/Hộ chiếu | Vị trí | Ngày, tháng, năm sinh | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn | Tên người sử dụng lao động | Địa chỉ của người sử dụng lao động | Chức danh | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại | Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự) | Điện thoại/ Fax/ Email |
| 1                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |   |  |                        |
| 2                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |   |  |                        |
| ...               |                              |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |   |  |                        |
| n                 | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |   |  |                        |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

| STT | Tên nhân sự chủ chốt         | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/Chức vụ/<br>Kinh nghiệm chuyên môn và<br>quản lý có liên quan |
|-----|------------------------------|---------|----------|---|
| 1   | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | ...     | ...      | ...   |
|     |                              |         |          |   |
|     |                              |         |          |   |
| 2   |                              |         |          |   |
|     |                              |         |          |   |
|     |                              |         |          |   |
| ... | ...                          |         |          |   |



**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

|                    |  |  |
|--------------------|--|--|
| Loại thiết bị      |  |  |
| Thông tin thiết bị | Tên nhà sản xuất   | Đời máy (model)                          |
|                    | Công suất (*)  | Năm sản xuất (*)                         |
|                    | Tính năng  | Xuất xứ<br>Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có) |
| Hiện trạng         | Địa điểm hiện tại của thiết bị   |  |
|                    | Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại   |  |
| Nguồn              | Nêu rõ nguồn thiết bị<br><input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt |  |

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

|  |                    |                  |
|--|--------------------|------------------|
| Chủ sở hữu   | Tên chủ sở hữu     |                  |
|  | Địa chỉ chủ sở hữu |                  |
|  | Số điện thoại      | Tên và chức danh |
|  | Số fax             | Telex            |
| Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án |                    |                  |

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

**Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III**

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

| Năm | Phân việc hợp đồng không hoàn thành | Mô tả hợp đồng   | Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|-----|-------------------------------------|--|--|
|     |                                     | Mô tả hợp đồng: _____<br>Tên Chủ đầu tư: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____ |  |

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.





**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

| Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)                               |        |        |        |
|--|--------|--------|--------|
| Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu) |        |        |        |
|  | Năm 1: | Năm 2: | Năm 3: |
| <b>Tổng tài sản</b>  |        |        |        |
| <b>Tổng nợ</b>   |        |        |        |
| <b>Giá trị tài sản ròng</b>  |        |        |        |
| <b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>   |        |        |        |
| <b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>   |        |        |        |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>  |        |        |        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>  |        |        |        |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM <sup>(1)</sup>**

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

| <b>Số liệu doanh thu hàng năm của nhà thầu trong ____ năm gần nhất<sup>(2)</sup></b> |                      |
|--|----------------------|
| <b>Năm</b>   | <b>Số tiền (VND)</b> |
|  |                      |
|  |                      |
|  |                      |
| <b>Doanh thu bình quân hàng năm của nhà thầu<sup>(3)</sup></b>                       |                      |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>

| STT | Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup> | Phạm vi công việc <sup>(3)</sup> | Khối lượng công việc <sup>(4)</sup> | Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup> | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup> |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|--|
| 1   |                                 |                                  |                                     |                                   |  |
| 2   |                                 |                                  |                                     |                                   |  |
| 3   |                                 |                                  |                                     |                                   |  |
| 4   |                                 |                                  |                                     |                                   |  |
| ... |                                 |                                  |                                     |                                   |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSĐX.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

| STT | Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup> | Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup> | Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup> |
|-----|--|--|---|
| 1   |  |  |   |
| 2   |  |  |   |
| ... |  |  |   |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

## BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

| STT | Danh mục dịch vụ | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất |
|-----|------------------|---------------|---------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|---|
| (1) | (2)              | (3)           | (4)                 | (5)         | (6)                        | (7)                     | (8)   |
|     |                  |               |                     |             |                            |                         |   |
|     |                  |               |                     |             |                            |                         |   |
|     |                  |               |                     |             |                            |                         |   |

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Hệ thống trích xuất
- Cột (8): Nhà thầu điền

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

| STT | Danh mục dịch vụ | Mô tả dịch vụ | Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình | Thời gian bảo hiểm | Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất |
|-----|------------------|---------------|---|--------------------|--|
| (1) | (2)              | (3)           | (4)   | (5)                | (6)                                    |
|     |                  |               |   |                    |  |
|     |                  |               |   |                    |  |
|     |                  |               |   |                    |  |

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): theo Mẫu số 01E
- Cột (6): Nhà thầu điền

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU**  
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

| STT   | Danh mục dịch vụ                                 | Mô tả dịch vụ | Khối lượng<br>mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá | Thành tiền          |
|---|--|---------------|------------------------|-------------|---------|---------------------|
| (1)   | (2)  | (3)           | (4)                    | (5)         | (6)     | (7)                 |
| <b>I</b>  | <b>Các hạng mục</b>                              |               |                        |             |         | <b>A=A1+A2+...</b>  |
| 1   | Hạng mục 1                                       |               |                        |             |         | A1                  |
| 2   | Hạng mục 2                                       |               |                        |             |         | A2                  |
| ...   | ...  |               |                        |             |         | ...                 |
| <b>II</b>   | <b>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh</b> |               | b1%                    |             |         | <b>B1 = b1% x A</b> |
| <b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b> |  |               |                        |             |         | <b>A+B1</b>         |

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Theo Mẫu số 01
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): (4)x(6)





Mẫu số 11 (g)

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

Ngày: \_\_\_\_\_

Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_

|   |
|---|
| Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>   |
| <i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>  |
| Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:<br><i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>  |
| Năm thành lập công ty:  |
| Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>   |
| Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu<br>Tên: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Số điện thoại/fax: _____<br>Địa chỉ email: _____   |
| 1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.<br>2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu. |

100  
T  
C  
J  
T  
N  
H  
Đ  
Đ  
X  
U

**Mẫu số 11 (h)**

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_  
Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_

|  |
|--|
| Tên nhà thầu liên danh:  |
| Tên thành viên của nhà thầu liên danh:   |
| Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:   |
| Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:  |
| Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:  |
| Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh<br>Tên: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Số điện thoại/fax: _____<br>Địa chỉ e-mail: _____   |
| 1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.<br>2. Trình bày sơ đồ tổ chức. |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT  
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp, gồm các phần như sau:*

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác;*

14  
IG  
T  
TT  
/A  
-H  
TP

**Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP**

**1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu**

**a) Toà nhà:**

- Tên toà nhà: Toà nhà Văn phòng HUDTOWER
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị
- Toà HUDTOWER có các đặc điểm giáp ranh như sau:
  - + Phía Đông Bắc giáp Tòa nhà Time Tower và Golden West
  - + Phía Tây Nam giáp với đường Nguyễn Tuân
  - + Phía Đông Nam giáp với đường ngõ hiện hữu có mặt cắt ngang 11,5m.
  - + Phía Tây Bắc giáp tuyến đường Lê Văn Lương.

**b) Địa điểm**

- Vị trí: 37 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**c) Quy mô dự án**

Dự án Toà nhà Văn phòng HUDTOWER –37 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

|   |   |
|---|---|
| <b>Thông tin về xây dựng</b>                  |   |
| Diện tích đất                                 | 6.486                                       |
| <b>Thông tin về tòa nhà</b>                   |   |
| Tổng diện tích sàn tầng hầm (m <sup>2</sup> ) | 18.884                                      |
| Tổng diện tích sàn tầng nổi (m <sup>2</sup> ) | 70.855                                      |
| Số tầng                                       | 2 khối 32 tầng và 28 tầng                   |
| Số chỗ giữ xe ô tô                            | Khoảng 222 chỗ (tầng hầm 1,2)               |
| Số chỗ giữ xe 2 bánh                          | Khoảng 2500 chỗ (tầng hầm 2, 3)             |
| Diện tích hầm B1, B2, B3                      | 6,486 m2/hầm                                |
| <b>Tiện ích</b>                               |   |
| Nhà vệ sinh - nữ/ tầng                        | 01 khu: 3 xí + Tiểu, 2 rửa                  |
| Nhà vệ sinh - nam/ tầng                       | 01 khu: 2 xí, 2 tiểu, 2 rửa                 |
| Nhà vệ sinh – cho người tàn tật/tầng          | Tầng 1 – Khối 28                            |
| Đường dành cho xe lăn - Vị trí                |   |
| Pantry  | Có tại khu vực kỹ thuật và pantry các tầng. |
| <b>Hệ thống kiểm soát đỗ xe &amp; ra vào</b>  |   |
| Hệ thống đỗ xe thủ công/tự động/bán tự động   | Hệ thống kiểm soát xe thông minh            |

**d.** Yêu cầu cung cấp dịch vụ an ninh, bảo vệ cho Tòa nhà văn phòng HUDTOWER, tại số 37 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội. Thời gian thực hiện nhiệm vụ 12 tháng

**2. Mục tiêu công việc**

Nhà thầu được yêu cầu cung cấp dịch vụ an ninh, bảo vệ tại các khu vực khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xung quanh toàn bộ Toà nhà HUDTOWER (vía hè, lòng đường, bao gồm cả không gian mở không có hàng rào ngăn cách).
- Khu vực đường nội bộ/nội khu Tòa nhà.
- Các khu vực công cộng bên trong Tòa nhà, mái Tòa nhà.

- Phòng điều khiển trung tâm (Phòng CCTV).
- Thang máy chở hàng.
- Khu vực đỗ xe ở 03 (ba) tầng hầm B1, B2 và B3.
- Các khu vực tiện ích, thương mại, văn phòng và các khu vực khác theo yêu cầu.

### 3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

*Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau*

#### 3.1. Phạm vi cung cấp và kế hoạch thực hiện gói thầu

- Trường hợp cần thiết, nhà thầu khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDX. Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
- Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác

Nhà thầu được yêu cầu cung cấp dịch vụ an ninh, bảo vệ tại các khu vực khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xung quanh toàn bộ Toà nhà HUDTOWER (vĩa hè, lòng đường, bao gồm cả không gian mở không có hàng rào ngăn cách).
- Khu vực đường nội bộ/nội khu Tòa nhà.
- Các khu vực công cộng bên trong Tòa nhà, mái Tòa nhà.
- Phòng điều khiển trung tâm (Phòng CCTV).
- Thang máy chở hàng.
- Khu vực đỗ xe ở 03 (ba) tầng hầm B1, B2 và B3.
- Các khu vực tiện ích, thương mại, văn phòng và các khu vực khác theo yêu cầu.

| STT | Danh mục dịch vụ                                 | Mô tả dịch vụ(*)   | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|--|--|-------------|------------|---------|
|     | (1)  | (2)  | (3)         | (4)        | (5)     |
| 1   | <b>Đảm bảo an ninh trật tự bên trong tòa nhà</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- An ninh an toàn cho các trang thiết bị, tài sản, người lao động, khách hàng của Tòa nhà HUDTOWER.</li> <li>- Duy trì trật tự bên trong tòa nhà đảm bảo không có đồ đạc của các đơn vị, tổ chức, cá nhân đặt/ để sai quy định tại các khu vực công cộng bên trong Tòa nhà.</li> <li>- Kiểm soát, ngăn chặn không để người lạ tự ý vào bên trong tòa nhà để sử dụng các tiện ích của Tòa nhà hoặc để chào hàng, quảng cáo và các mục đích cá nhân khác...</li> <li>- Duy trì an ninh trật tự tại tầng hầm, khu vực bãi đỗ xe đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng và Chủ đầu tư</li> <li>- Kiểm tra, kiểm soát người, tài sản, thiết bị, phương tiện, hàng hóa ra vào tại các lối ra/vào Tòa nhà (bao gồm cả các công việc</li> </ul> | tháng       | 12         |         |

| STT | Danh mục dịch vụ   | Mô tả dịch vụ(*)  | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------|------------|---------|
|     | (1)  | (2)   | (3)         | (4)        | (5)     |
|     |  | <p>thuộc gói thầu thi công của Dự án đầu tư)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- An ninh tài sản của Tòa nhà, hiện trạng đã được đầu tư đưa vào sử dụng của Tòa nhà.</li> <li>- Đảm bảo an toàn PCCC trong Tòa nhà.</li> </ul>   |             |            |         |
| 2   | <b><i>Đảm bảo an ninh bên ngoài tòa nhà</i></b>                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm bảo an ninh, trật tự trên phạm vi toàn bộ Tòa Nhà và khu vực xung quanh thuộc Tòa Nhà, ngăn chặn các sự kiện gây mất an ninh, trật tự có thể ảnh hưởng tới hoạt động thông thường của Tòa nhà, chủ đầu tư và các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong Tòa nhà.</li> <li>- Duy trì trật tự trong khuôn viên An ninh của Tòa nhà, không có đồ đạc (không nằm trong thiết kế tổng thể của tòa nhà) đặt để sai quy định ở các khu vực công cộng của tòa nhà.</li> <li>- Không để hiện tượng có các vật dễ rơi vỡ, gây nguy hiểm ở khu vực trên cao, phía bên ngoài tòa nhà.</li> <li>- Không để hiện tượng tụ tập buôn bán, đánh nhau, gây gỗ, các tệ nạn xã hội xảy ra trong khu vực của Tòa nhà.</li> <li>- Không có hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép đất đai, tài sản trong khu vực của Tòa nhà.</li> <li>- An ninh tài sản bên ngoài (vĩa hè, cây xanh cảnh quan, họng cứu hỏa...) của Tòa nhà, hiện trạng đã được đầu tư đưa vào sử dụng.</li> <li>- Đảm bảo an toàn PCCC khu vực xung quanh Tòa nhà.</li> </ul> | tháng       | 12         |         |
| 3   | <b><i>Kiểm soát tầng hầm và trông giữ phương tiện giao thông</i></b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông trong Tòa nhà, tầng hầm cẩn thận, đi đúng làn trong các trường hợp cụ thể.</li> <li>- Tổ chức trông giữ các phương tiện tại các khu vực quy định của Tòa nhà, đảm bảo tuyệt đối, không để xảy ra mất mát.</li> <li>- Sắp xếp các vị trí đỗ xe ngay ngắn, phù hợp với quy định của Tòa nhà.</li> <li>- Kiểm soát tình trạng, hiện trạng của các phương tiện khi vào bãi gửi xe, theo dõi hoặc từ chối trông giữ với các phương tiện có nguy cơ cao gây cháy nổ, ảnh hưởng đến tòa nhà.</li> <li>- Đảm bảo an toàn PCCC khu vực tầng hầm</li> </ul>  | tháng       | 12         |         |

| STT | Danh mục dịch vụ                                | Mô tả dịch vụ <sup>(*)</sup>  | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|---|---|-------------|------------|---------|
|     | (1)   | (2)   | (3)         | (4)        | (5)     |
|     |   | và khu vực trông giữ xe theo quy định.  |             |            |         |
| 4   | <i>Ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp</i>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện mọi biện pháp nghiệp vụ nhằm chủ động phát hiện, phòng chống các hành vi phá hoại hoặc đe dọa phá hoại cơ sở vật chất, kỹ thuật, thiết bị, tài sản, sức khỏe, tính mạng của Chủ đầu tư, người lao động, khách hàng của Chủ đầu tư, và của các tổ chức, cá nhân khác trong Tòa Nhà hoặc các sự cố, nguy cơ dẫn đến sự cố gây mất an toàn dưới mọi hình thức tại Tòa Nhà, đồng thời thường xuyên báo cáo cho Chủ đầu tư để nắm thông tin. Báo cáo các Cơ quan Quản lý nhà nước địa phương để phối hợp giải quyết trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.</li> <li>g trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.</li> <li>trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Kịp thời hỗ trợ, ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, ...</li> </ul>   | tháng       | 12         |         |
| 5   | <i>Vận hành thang máy chở hàng (thang hàng)</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận hành thang chở người, đồ đạc, vật liệu giữa các tầng khi có yêu cầu. Trường hợp vận chuyển đồ ra/vào Tòa nhà phải được BQL Tòa nhà phê duyệt.</li> <li>- Kiểm soát thẻ ra/vào Tòa nhà của tất cả khách hàng, CBCNV, nhà thầu.</li> <li>- Kiểm soát vệ sinh đối với các trường hợp vận chuyển cát, xi, hóa chất... không được làm rơi xuống khe thang, gây hư hại cho hệ thống. Quét dọn vệ sinh trong cabin và trước cửa thang hàng.</li> <li>- Kiểm soát hàng hóa, vật liệu quá khổ, quá tải gây hư hại thang.</li> <li>- Ghi chép đầy đủ tình hình ca trực vào sổ nhật ký, đảm bảo tất cả các tài sản, an ninh khu vực An ninh, các vấn đề còn tồn đọng chưa được giải quyết, các vấn đề đã được xử lý... phải được ghi rõ ràng và bàn giao đầy đủ cho ca sau.</li> <li>- Trong thời gian không vận hành thang, di chuyển thang xuống hầm B1 và khóa thang. Nhân viên trực ngồi tại sảnh thang hàng B1.</li> <li>- Kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với toàn</li> </ul> | tháng       | 12         |         |

| STT | Danh mục dịch vụ                    | Mô tả dịch vụ <sup>(*)</sup>   | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|--|-------------|------------|---------|
|     | (1)                                 | (2)  | (3)         | (4)        | (5)     |
|     |                                     | bộ thiết bị, tài sản trong thang hàng  |             |            |         |
| 6   | <b>Kiểm soát quá trình thi công</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát công nhân ra/vào công trường theo theo Giấy đăng ký thi công, đã được BQLDA và BQL Tòa nhà phê duyệt.</li> <li>- Ghi chép các thông tin liên quan, cần thiết vào sổ Đăng ký nhà thầu thi công.</li> <li>- Tiến hành kiểm tra những đồ đạc, trang thiết bị mà công nhân mang ra. Đối chiếu với biểu mẫu đã đăng ký, nếu thấy sai (mang dư, thừa, không khớp với phiếu) thì yêu cầu công nhân giải trình. Nếu phát hiện có dấu hiệu nghi vấn, An ninh giữ lại người và tang vật, lập biên bản và báo cáo BQL Tòa nhà để xử lý kịp thời.</li> <li>- Xử lý công nhân vi phạm quy định của Tòa nhà và công trường.</li> <li>- Kiểm soát hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc, công cụ, thiết bị thi công ra/vào công trường.</li> <li>- Kiểm soát an toàn PCCC (không cho mang vật liệu dễ cháy nổ vào trong khi chưa được phê duyệt của các cấp có thẩm quyền...).</li> <li>- Báo cáo BQL Tòa nhà và ghi chép đầy đủ các thông tin vào sổ bàn giao, nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh để xử lý kịp thời.</li> </ul> | tháng       | 12         |         |

### 3.2. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

**a. Nhà thầu chuẩn bị** đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo Phương án thực hiện An ninh của nhà thầu.

**b. Tiêu chuẩn dịch vụ:**

- Nắm được thông tin của dự án.
- Nắm bắt được nhiệm vụ, trách nhiệm tại vị trí trực.
- Phản ứng kịp thời nhanh nhẹn khi có sự cố.
- Biết cách báo cáo và lập biên bản (yêu cầu đối với vị trí Chỉ huy, Ca trưởng)
- Biết cách đào tạo cho nhân viên kỹ năng giao tiếp và thái độ làm việc với khách hàng (yêu cầu đối với vị trí Chỉ huy, Ca trưởng)
- Kỹ năng giao tiếp và thái độ làm việc với khách hàng tốt.
- Tuân thủ các quy định của Tòa nhà.

**c. Tiêu chuẩn nghiệp vụ**

- Kiến thức pháp luật Việt Nam liên quan đến công việc An ninh.
- Nghiệp vụ An ninh chuyên nghiệp, có chứng chỉ hành nghề theo quy định;
- Kiến thức nghiệp vụ về PCCC và có giấy chứng nhận tham gia đào tạo huấn luyện



phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Các nhân sự có ít nhất 6 tháng kinh nghiệm làm việc.
- Tác phong điều lệnh.
- Thành thạo công tác sơ cứu thương ban đầu và có chứng chỉ.
- Có ý thức trách nhiệm cao, văn hoá trong việc ứng xử đối với các khách đến giao dịch và làm việc tại Tòa nhà. Có nghiệp vụ canh gác, An ninh mục tiêu, kiểm soát việc ra vào của các nhà thầu tham gia thi công tại khu vực An ninh cũng như kiểm soát ra vào đối với các khách hàng ra vào khu vực An ninh theo phương án An ninh.
- Có khả năng lập biên bản vụ việc theo quy định.
- Lập báo cáo tuần, tháng, năm hoặc đột xuất.
- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện chữa cháy tại chỗ, phương tiện kiểm soát ra vào;
- Các nội dung và trình độ đào tạo trên theo quy chuẩn Nhà nước quy định về tiêu chuẩn đối với đơn vị An ninh chuyên nghiệp.
- Các nhân viên An ninh có trách nhiệm đối xử hoà nhã, lịch sự, văn hoá, tận tình đối cán bộ nhân viên và khách tới làm việc tại Tòa nhà. Nhân viên An ninh cần cố gắng tối đa để duy trì quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương xung quanh Tòa nhà, trong mọi trường hợp Nhân viên An ninh luôn thể hiện được tính chuyên nghiệp của mình.

#### **4. Giải pháp và phương pháp luận**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:*

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch thực hiện.*

## Phần thứ ba. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

|   |   |
|---|---|
| <b>1. Định nghĩa</b>                          | <p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. "Nhà thầu phụ" là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong HSDX và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện một phần công việc của gói thầu;</p> <p>1.5. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Dịch vụ phi tư vấn" bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Đầu thầu;</p> <p>1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.12. "Bên" là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.</p> |
| <b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b> | <p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li><li>Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li><li>Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;</li><li>Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li><li>ĐKCT;</li><li>ĐKC;</li><li>HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</li><li>HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);</li><li>Các tài liệu khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</li></ol>   |

|   |  |
|---|--|
| <p><b>3. Luật và ngôn ngữ</b></p>           | <p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;<br/>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>   |
| <p><b>4. Thông báo</b></p>                  | <p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại <b>ĐKCT</b>. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.<br/>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>   |
| <p><b>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p> | <p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> |
| <p><b>6. Ký hợp đồng thầu phụ</b></p>       | <p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDX chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p>  |

|   |  |
|---|--|
|   | <p>6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>  |
| <b>7. Phạm vi cung cấp</b>                    | Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.  |
| <b>8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn</b> | Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10 Chương IV.   |
| <b>9. Trách nhiệm của Nhà thầu</b>            | Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 ĐKC.   |
| <b>10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng</b>      | <p>10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>10.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>   |
| <b>11. Điều chỉnh thuế</b>                    | Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.   |
| <b>12. Tạm ứng</b>                            | <p>12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p> |
| <b>13. Thanh toán</b>                         | <p>13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng</p>   |

|   |   |
|---|---|
|   | <p>là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>   |
| <b>14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b> | <p>14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>Nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>Nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 ĐKC và Mục 14.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>14.4. Các quy định tại Mục 14 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>14.5. Các quy định tại Mục 14 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p> |
| <b>15. Phạt và bồi thường thiệt hại</b>                             | Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .   |
| <b>16. Bất khả</b>  | 16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt   |

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <p><b>kháng</b></p>                | <p>hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> |
| <p><b>17. Sửa đổi hợp đồng</b></p> | <p>17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;</li> <li>b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>c) Các nội dung khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết.</li> <li>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và</li> </ul>   |

|   |   |
|---|---|
|   | <p>ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư.</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.</p> <p>17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>   |
| <p><b>18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p> | <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> |
| <p><b>19. Chấm dứt hợp đồng</b></p>                     | <p>19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác</p>   |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;</p> <p>(iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán.</li> <li>- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng.</li> </ul> <p>19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p> |
| <p><b>20. Phát hiện và khắc phục sai sót</b></p> | <p>20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại ĐKCT.</p> <p>20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần</p>   |



|                                  |  |
|----------------------------------|--|
|                                  | <p>thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15.</p> <p>toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15.</p>   |
| <b>21. Nhân sự<sup>2</sup></b>   | <p>21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSDX để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b>, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.</p> |
| <b>22. Giải quyết tranh chấp</b> | <p>22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>  |

<sup>2</sup> Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

|                    |  |
|--------------------|--|
| <b>ĐKC 1.1</b>     | Chủ đầu tư là: Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị<br>Địa chỉ: Tầng 28, 29, 30, 31, 32 Tòa nhà VPTM HUDOTWER, số 37 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội<br>MST: 0100106144<br>Tài khoản: 2110001860 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội<br>Điện thoại: 024.37738600<br>Fax: 024.37738640<br>Email: hud@hn.vnn.vn  |
| <b>ĐKC 1.3</b>     | Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].   |
| <b>ĐKC 1.11</b>    | Địa điểm cung cấp dịch vụ là: _Tòa nhà VPTM HUDOTWER, số 37 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội   |
| <b>ĐKC 2.2 (i)</b> | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [liệt kê tài liệu].  |
| <b>ĐKC 4.1</b>     | - Địa chỉ của Chủ đầu tư: Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD). Tầng 28-32 Toà nhà Văn phòng HUDTOWER, Số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.<br>Điện thoại: 0937 038 037<br>Fax: (024).37738640;<br>Email: hud@hn.vnn.vn<br>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị. Tầng 28-32, Toà nhà VP HUDTOWER;<br>- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn:<br>Điện thoại: 0937 038 037<br>E-mail : <a href="mailto:phamnguyetcam@hud.com.vn">phamnguyetcam@hud.com.vn</a> ; <a href="mailto:ninhbichnien@gmail.com">ninhbichnien@gmail.com</a> |
| <b>ĐKC 5.2</b>     | - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _3% giá hợp đồng.<br>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _30_ tháng _04_ năm _2025_   |
| <b>ĐKC 5.4</b>     | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: _Sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày_ kể từ khi được nghiệm thu  |
| <b>ĐKC 6.1</b>     | Danh sách nhà thầu phụ: Không  |
| <b>ĐKC 6.2</b>     | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: Không.   |
| <b>ĐKC 6.4</b>     | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ : Không   |
| <b>ĐKC 10.1</b>    | Loại hợp đồng: _Hợp đồng đơn giá cố định_  |

|                    |   |
|--------------------|---|
| <b>ĐKC 10.2</b>    | Giá hợp đồng: ___ [ <i>ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng</i> ]   |
| <b>ĐKC 11</b>      | Điều chỉnh thuế: <u>Được phép</u> Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: " <i>trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i> ".  |
| <b>ĐKC 12.1</b>    | Tạm ứng: <u>Không tạm ứng</u>   |
| <b>ĐKC 13.1</b>    | Phương thức thanh toán: <u>chuyển khoản</u><br>Nhà thầu xuất trình đầy đủ các hồ sơ thanh toán hợp lệ, chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.  |
| <b>ĐKC 13.2</b>    | Giám trừ thanh toán: <u>Có áp dụng</u><br>Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về nhân lực, thiết bị trong quá trình thực hiện công việc và được xác nhận bằng biên bản làm việc giữa các bên   |
| <b>ĐKC 15</b>      | 1. Phạt vi phạm hợp đồng : <u>Áp dụng</u> .<br><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i><br>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : <u>0.4%</u><br>2. Bồi thường thiệt hại: <u>Áp dụng</u><br>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:<br>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i><br>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự theo thỏa thuận của các bên.</i><br>Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là 5% giá hợp đồng |
| <b>ĐKC 17.1(c)</b> | Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: _____<br>- Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng khi khối lượng và chính sách thuế thay đổi so với Hợp đồng.<br>- Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.<br>- Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt giá gói thầu hoặc dự toán được phê duyệt.  |
| <b>ĐKC 17.4</b>    | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu: <u>Không áp dụng</u>   |

|                   |  |
|-------------------|--|
| <b>ĐKC 18 (e)</b> | Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật]   |
| <b>ĐKC 20.1</b>   | <p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Căn cứ yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng của HSYC và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước Việt Nam có liên quan đến nội dung công việc của gói thầu để đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn .</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 10 ngày làm việc</p>  |
| <b>ĐKC 21.2</b>   | Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.   |
| <b>ĐKC 22.2</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 60 ngày</li> <li>- Giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng, hòa giải không có kết quả thì trong vòng 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể thương lượng, hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc đối với các bên. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên thua chịu</li> </ul> |

## **Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 17. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng

Mẫu số 18. Hợp đồng

Mẫu số 19. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 20. Bảo lãnh tiền tạm ứng



**THƯ CHẤP THUẬN HSĐX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư \_\_\_\_\_ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm \_\_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm \_\_\_\_\_ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của HSYC với số tiền \_\_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSYC*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của HSYC. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(1)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG<sup>(3)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc tòa nhà: \_\_\_\_\_ [ghi tên tòa nhà]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023);

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.



**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_[ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 ĐKCT].

**Điều 6. Loại hợp đồng:** \_\_\_ [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10.1 ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 ĐKC, HSĐX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

**Điều 8.** Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá : \_\_\_[trích xuất theo Mục 27.2 CDNT] giá hợp đồng.

**Điều 9. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU  
TU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

44  
G  
TY  
[T  
/A  
!!  
TP.

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSYC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong HSYC (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_\_ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSYC*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.4 ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)  
 [*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 ĐKCT của HSYC*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
 [*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.